

Số: 161/2021/QĐST-HNGĐ

T H, ngày 05 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, THỊNH PHỐ H1 N

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tH1nh ngày 28 tháng 6 năm 2021.

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 180/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Trần Bích T**, sinh năm 1985

- **Ah Phạm Ah Q**, sinh năm 1983

Cùng hộ khẩu thường trú và cùng trú tại: Số 24, ngõ 1, đường A C, phường Q A, quận T H, TP H1 N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Bích T và Ah Phạm Ah Q kết hôn trên C sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/4/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Q A, quận T H, H1 N, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Ah, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quá trình sống. Ah, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T, Ah Q là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị T, Ah Q có 02 con chung là Phạm Ah M, sinh ngày 25/5/2009 và Phạm Ah K, sinh ngày 06/9/2016. Ly hôn Ah chị thỏa thuận giao Ah Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ah K, giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ah M, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau đến khi con chung tH1nh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Chị T, Ah Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Ah Q, chị T cùng xác nhận Ah chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Ah Q, chị T cùng xác nhận Ah chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị T đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00032562 ngày 24/6/2021 tại Chi cục Thi H1nh án dân sự quận T H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH1nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quA hệ hôn nhân: Chị Trần Bích T và Ah Phạm Ah Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T, Ah Q có 02 con chung là Phạm Ah M, sinh ngày 25/5/2009 và Phạm Ah K, sinh ngày 06/9/2016.

Giao Ah Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ah K, giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ah M đến khi con chung tH1nh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Ah Q, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ah Q, chị T cùng xác nhận Ah chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Về công nợ chung: Ah Q, chị T cùng xác nhận Ah chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Trần Bích T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị T đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00032562 ngày 24/6/2021 tại Chi cục Thi H1nh án dân sự quận T H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA H1nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T H;
- UBND phường Q A , quận T H, HN
(đăng ký kết hôn số 23/2009);
- Lưu H sơ.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ba Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngàythángnăm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*⁽⁶⁾.....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua:*⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH1nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quA hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA H1nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- C quA đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tH1nh phố thuộc tỉnh, tH1nh phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tH1nh phố thuộc tỉnh, tH1nh phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, tH1nh phố H1 N); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, tH1nh phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (tH1nh phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H1 Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là C quA, tổ chức thì ghi tên C quA, tổ chức và địa chỉ trụ sở của C quA, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những N dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH1nh. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].